

**BÁO CÁO**

**kết quả 05 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017  
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới,  
sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn,  
hoạt động hiệu lực, hiệu quả**

-----

Thực hiện Công văn số 3520-CV/BTCTW, ngày 8/6/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về việc sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (*gọi tắt là Nghị quyết số 18-NQ/TW*); Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng báo cáo kết quả thực hiện như sau:

**I. VỀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

**1. Về công tác quán triệt, học tập Nghị quyết số 18-NQ/TW**

Sau Hội nghị Trung ương 6 khoá XII, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp thông báo nhanh kết quả Hội nghị đến cán bộ chủ chốt từ tỉnh đến cơ sở<sup>1</sup>; đồng thời chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy tham mưu cấp ủy tổ chức quán triệt, học tập, tuyên truyền thực hiện Nghị quyết. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nội vụ tổ chức lớp tập huấn để quán triệt Nghị quyết số 18-NQ/TW cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các sở, ban, ngành của tỉnh và cán bộ, công chức phụ trách công tác tổ chức tại các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

**2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch của các cấp ủy, cơ quan, đơn vị**

Trong quá trình thực hiện, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo, bám sát các quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, kịp thời rà soát, hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị, bảo đảm theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối cấp trung gian; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện để có những điều chỉnh kịp thời.

**3. Xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW, ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị**

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW, ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị; Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 48-KH/TU, ngày

---

<sup>1</sup> Ngày 08/02/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn tỉnh học tập, quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII) cho cán bộ chủ chốt từ tỉnh đến cơ sở, do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp quán triệt với 2.518 đại biểu tham dự tại 15 điểm cầu. Trên cơ sở đó, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức hội nghị quán triệt Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên cơ sở. Toàn tỉnh đã tổ chức được 317 lớp cho 47.896 cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, giáo viên, chức sắc tôn giáo tham dự, trong đó đảng viên tham gia đạt trên 95%.

16/4/2018 và UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 3897/KH-UBND, ngày 26/6/2018 để triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị đã xác định rõ nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, địa phương, đơn vị để thực hiện ngay và nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình. Xác định việc thực hiện Nghị quyết là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và thống nhất chọn một số địa phương, đơn vị để chỉ đạo điểm<sup>2</sup>.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

### **1. Về thực hiện các quan điểm chỉ đạo của Trung ương**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã căn cứ quan điểm chỉ đạo; mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể; nhiệm vụ giải pháp chung; nhiệm vụ, giải pháp cụ thể theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW xây dựng kế hoạch thực hiện. Xác định rõ mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ chung là lãnh đạo xây dựng và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị tỉnh. Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tập trung lãnh đạo chỉ đạo thực hiện, đảm bảo nhiệm vụ theo lộ trình và đúng nguyên tắc.

- Luôn bám sát các quy định của Trung ương, giữ vững các nguyên tắc tổ chức, hoạt động và đề cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nghiêm túc thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành, từng địa phương; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu.

- Bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông; kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; gắn đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh giản biên chế; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện tốt nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Mô hình và quy mô tổ chức bộ máy phải phù hợp với tính chất, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế.

### **2. Về thực hiện các mục tiêu Nghị quyết số 18-NQ/TW**

#### **2.1. Về thực hiện các mục tiêu tổng quát**

Các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị đã triển khai, thực hiện đạt kế hoạch các mục tiêu tổng quát theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị định của Chính phủ<sup>3</sup>, Kế hoạch của Tỉnh ủy. Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống

<sup>2</sup> Đối với các ban đảng của Tỉnh ủy, chọn Văn phòng Tỉnh ủy. Đối với các sở, ngành, chọn Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch. Đối với cấp huyện, chọn huyện Lâm Hà, Đà Huoai và Đà Têh.

<sup>3</sup> Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày

chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên, góp phần cải cách chính sách tiền lương.

## **2.2. Về thực hiện các mục tiêu cụ thể**

Các cấp ủy, tổ chức đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo, thường xuyên rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy; sắp xếp, kiện toàn một số phòng, ban, cơ quan chuyên môn; thực hiện thí điểm một số mô hình mới, chức danh kiêm nhiệm, giảm một số đầu mối, giảm lãnh đạo cấp trưởng, phó một số cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập; sắp xếp hợp lý một số đơn vị hành chính cấp xã; sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố,... theo đúng tinh thần Nghị quyết, Kế hoạch, cụ thể:

- Đã thực hiện tinh giản 10% biên chế so với năm 2015.
- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện 37 quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý.
- Sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh: Giảm Sở Ngoại vụ; cấp phòng, ban và tương đương thuộc các cơ quan cấp tỉnh giảm 67 tổ chức<sup>4</sup> so với năm 2017; cấp huyện giảm 11 phòng, ban so với năm 2017.
- Giảm số lượng lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị, tổ chức hành chính: Cấp huyện 162 người so với năm 2017; cấp tỉnh 171 người so với năm 2017. Đơn vị sự nghiệp công lập giảm 400 người (*cấp trưởng 135 người, cấp phó 265 người*).
- Thực hiện mô hình Văn phòng Tỉnh ủy phục vụ chung cho cấp ủy và các ban của Tỉnh ủy.
- Sắp xếp tổ chức bộ máy, đổi mới cơ chế hoạt động của Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.
- Hợp nhất Văn phòng Đoàn ĐBQH, Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh thành: Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND và UBND tỉnh.
- Thành lập Cơ quan Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện tại 03 huyện: Đa Huoai, Đa Tễ và Lâm Hà .
- Thực hiện thí điểm kiêm nhiệm chức danh Trưởng Ban Dân vận đồng thời là Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện tại 09/12 huyện, thành ủy.

---

14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>4</sup> Khối Đảng, giảm 12 phòng, ban; khối Nhà nước giảm 59 phòng ban (48 phòng và tương đương thuộc cơ quan, đơn vị và tương đương; 11 phòng thuộc chi cục và tương đương); khối đoàn thể giảm 12 phòng ban và tương đương.

- Thực hiện thí điểm kiêm nhiệm chức danh Trưởng Ban Tuyên giáo kiêm Giám đốc Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện tại 12/12 huyện ủy, thành ủy.
- Thực hiện chức danh Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân ở cấp tỉnh; ở 12/12 huyện, thành ủy; ở cấp xã 92/142.
- Thực hiện chức danh Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại 19/142 xã, phường, thị trấn.
- Thực hiện thí điểm mô hình: Phó Bí thư Tỉnh đoàn kiêm nhiệm trưởng các ban chuyên môn của Cơ quan Tỉnh đoàn (chấm dứt thực hiện năm 2021).
- Sắp xếp, thu gọn hợp lý các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên và giảm số lượng thôn, tổ dân phố<sup>5</sup>; giảm 05 đơn vị hành chính cấp xã.
- Về Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố: Đã sắp xếp, sáp nhập 318 thôn, tổ dân phố để hình thành mới 153 thôn, tổ dân phố và đổi tên 12 thôn (*giảm 165 thôn, tổ dân phố*). Hiện còn 1.376 thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.
- Khắc phục tình trạng thôn, tổ dân phố chưa có tổ chức đảng và tình trạng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không phải là đảng viên: Hiện nay, toàn bộ 1.376 thôn, tổ dân phố đã có tổ chức đảng. Tính đến ngày 30/6/2022, còn 588/1376 trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chưa là đảng viên.
- Thực hiện tốt việc khoán kinh phí chi phụ cấp theo định mức cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, tổ dân phố.

### **3. Về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp**

#### **3.1. Về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo lộ trình**

Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị đã thực hiện đạt các nội dung theo lộ trình Kế hoạch số 48-KH/TU của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 3897/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

- Báo cáo cấp có thẩm quyền quy định cụ thể và quản lý chặt chẽ biên chế, số lượng lãnh đạo cấp phó tối đa đối với các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị; xác định rõ vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức sát thực tế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.
- Thực hiện thí điểm 05 mô hình mới về tổ chức; thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh lãnh đạo, quản lý theo hướng dẫn của Trung ương, phù hợp với thực tế của địa phương.
- Thực hiện tốt việc hiện tình giản biên chế theo quy định, cụ thể:
  - + *Khối Đảng, đoàn thể*: Năm 2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành các quyết định điều chỉnh Đề án vị trí việc làm, trong đó phê duyệt cho các địa

---

<sup>5</sup> Sau khi sắp xếp đã giảm 05 đơn vị hành chính cấp xã (còn 142 đơn vị hành chính cấp xã); số cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách dôi dư là 143 người (46 cán bộ, 39 công chức và 58 người hoạt động không chuyên trách cấp xã). Đến nay, đã hoàn thành sắp xếp, bố trí và giải quyết thôi việc cho 45 cán bộ, 39 công chức và 58 người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

phương, cơ quan, đơn vị là 1203 biên chế. Giai đoạn 2016 - 2021 đã tinh giản 179/1.203 biên chế, đạt tỷ lệ 12,95% so với biên chế được giao năm 2015 (*Kèm theo Biểu mẫu số 10*).

+ *Khối Nhà nước*: Biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao cho địa phương năm 2021 là 2.502 biên chế, giảm 282 biên chế (*sau khi chuyển 43 biên chế về Bộ Công thương và bổ sung 07 biên chế công chức để thực hiện sáp nhập Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh*), tương ứng giảm 10% (2.773 người) so với năm 2015 (*Kèm theo Biểu mẫu số 11*).

- Đã thực hiện tốt việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết, Kế hoạch. Số lượng người làm việc (*biên chế sự nghiệp*) hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021 đã được Bộ Nội vụ giao là 26.322 người. Biên chế đơn vị sự nghiệp công lập Khối Đảng, đoàn thể là 127 biên chế<sup>6</sup> (*tổng 26.449*), giảm 2.985 người so với năm 2015 (*Số được giao năm 2015 là 29.045 người, năm 2019 được giao bổ sung 202 người*), tương ứng giảm 11,28% so với số giao năm 2015 và số giao bổ sung năm 2019.

### **3.2. Về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thường xuyên**

Các cấp ủy, cơ quan, địa phương, đơn vị đã thực hiện tốt các nội dung sau:

- Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, sự đồng thuận xã hội, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

- Đã thực hiện tốt việc phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát quyền lực bằng các quy định, quy chế, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình trong các cơ quan, đơn vị.

- Rà soát, xác định rõ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính phù hợp ở địa phương, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Tổ chức thực hiện các quy định về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực.

- Đổi mới phương pháp làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học và công nghệ, công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số.

- Gắn sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng thu gọn đầu mối với việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Lấy kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế là một trong những căn cứ để đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm của tổ chức và cá nhân.

### **3.3. Về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể**

---

<sup>6</sup> Trường Chính trị tỉnh 45 biên chế; Trung tâm chính trị cấp huyện 34 biên chế; Báo Lâm Đồng 30 biên chế; Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi thuộc Tỉnh Đoàn 18 biên chế.

### **3.3.1. Sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, thực hiện các mô hình mới, chức danh kiêm nhiệm**

#### **a. Sắp xếp tổ chức, bộ máy các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, giảm số lượng cấp phó**

Sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đã giảm được 13 phòng trực thuộc. Giảm 15 trưởng phòng và 26 phó trưởng phòng; thực hiện chế độ đối với cán bộ trong diện sắp xếp được hưởng bảo lưu phụ cấp chức vụ đến hết năm 2020, cụ thể:

- Văn phòng Tỉnh ủy có 06 phòng. Sau sắp xếp còn 03 phòng, 01 Khối Tham mưu - Tổng hợp, giảm 03 phòng; giảm 04 trưởng phòng và 12 phó trưởng phòng.
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy có 05 phòng (gồm 04 phòng và Văn phòng). Sau sắp xếp còn 03 phòng, giảm 02 phòng; giảm 02 trưởng phòng và 03 phó trưởng phòng.
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có 06 phòng (gồm 05 phòng và Văn phòng). Sau sắp xếp còn 03 phòng, giảm 03 phòng; giảm 03 trưởng phòng và 03 phó trưởng phòng.
- Ban Dân vận Tỉnh ủy có 04 phòng (gồm 03 phòng và Văn phòng). Sau sắp xếp còn 02 phòng, giảm 02 phòng; giảm 01 trưởng phòng và 02 phó trưởng phòng.
- Ban Nội chính Tỉnh ủy gồm 02 phòng và Văn phòng. Sau khi sắp xếp còn 02 phòng, giảm 01 Văn phòng; giảm 01 trưởng phòng.
- Cơ quan Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy 05 phòng (gồm 04 phòng và Văn phòng). Sau sắp xếp còn 03 phòng, đồng thời thực hiện Ủy viên Ủy ban Kiểm tra tham gia phụ trách phòng; giảm được 3 trưởng phòng và 3 phó trưởng phòng.

#### **b. Tổ chức lại Văn phòng Tỉnh ủy để phục vụ chung các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp tỉnh**

Thực hiện Đề án số 03-ĐA/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thành lập Văn phòng cấp ủy phục vụ chung cho cấp ủy và các ban tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy đã tiến hành sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh gọn từ 06 phòng và Nhà khách giảm xuống còn 02 phòng, 01 khối Tham mưu - Tổng hợp và Nhà khách<sup>7</sup>. Ngày 25/5/2018, hoàn thành việc bàn giao và nhận bàn giao các nhiệm vụ văn thư, lưu trữ, kế toán, thủ quỹ, lái xe, xe công từ các ban của Tỉnh ủy về Văn phòng Tỉnh ủy (chỉ nhận những người thực hiện công tác lái xe, các trường hợp còn lại các ban của Tỉnh ủy tự sắp xếp) và thực hiện việc phục vụ chung kể từ ngày 01/6/2018.

Bộ máy của Văn phòng Tỉnh ủy đảm bảo tinh gọn, khắc phục tình trạng nhiều tầng nấc trung gian. Thông qua ứng dụng mạnh CNTT vào công tác văn thư đã nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và xử lý văn bản của Văn phòng Tỉnh ủy, góp phần thực hiện tốt công tác tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành công việc của Tỉnh ủy. Vai trò của đồng chí Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy đã phát huy được trách nhiệm trước Thường trực, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Công tác quản lý, sử dụng ngân sách có chuyển biến tích cực; việc đảm bảo kinh phí phục vụ hoạt động cấp ủy, các ban của Tỉnh ủy được nhanh

<sup>7</sup> Phòng Hành chính được sáp nhập từ 3 phòng: Hành chính, Cơ yếu - Công nghệ thông tin; Lưu trữ và Phòng Tài Chính - Quản trị được sáp nhập từ 2 phòng: Tài chính Đảng, Quản trị.

chóng, thuận lợi; việc mua sắm, sửa chữa, đầu tư trang bị cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức đáp ứng được yêu cầu; công tác quản lý sử dụng xe công tiết kiệm, hiệu quả. Các đơn vị chấp hành đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, quản lý, sử dụng tài sản công làm căn cứ quản lý, điều hành chi ngân sách; quản lý sử dụng tài sản đúng mục đích.

Tuy nhiên, qua quá trình triển khai thực hiện mô hình Văn phòng Tỉnh ủy phục vụ hoạt động chung của cấp ủy và các ban của Tỉnh ủy làm tăng nhiều về khối lượng công việc của Văn phòng Tỉnh ủy (*đặc biệt là công tác hành chính, quản trị, văn thư, lưu trữ và kế toán...*). Trong khi đó, các ban của Tỉnh ủy lại dồi dư lực lượng trước đây làm công tác văn phòng của ban, phải bố trí vào các vị trí việc làm không phù hợp với công tác chuyên môn...

### ***c. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đổi mới cơ chế hoạt động của Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh***

Ngày 01/11/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Đề án số 04-ĐA/TU về sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đổi mới cơ chế hoạt động của Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, gồm 11 thành viên kiêm nhiệm<sup>8</sup>, Văn phòng ban giải thể, một số nhiệm vụ về Ban Tổ chức Tỉnh ủy; một số nhiệm vụ và 02 biên chế chuyển về Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng; 02 Hợp đồng 68 lái xe về Văn phòng Tỉnh ủy<sup>9</sup>, Hội đồng chuyên môn gồm 06 thành viên<sup>10</sup>. Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ huyện, thành phố có từ 03 đến 05 thành viên (*không có chuyên trách, hoạt động kiêm nhiệm*). Tùy tình hình thực tế của địa phương, Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy xem xét quyết định thành lập Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ huyện, thành phố có 01 trưởng ban phụ trách chung, 01 phó trưởng ban và 02 thành viên<sup>11</sup>. Nhìn chung, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đổi mới cơ chế hoạt động từng bước đã đi vào nền nếp, hoạt động hiệu quả.

### ***d. Về thực hiện thí điểm kiêm nhiệm chức danh “Trưởng ban Dân vận đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện”***

Đến nay, có 09/12 huyện ủy, thành ủy thực hiện, bước đầu đạt kết quả trong thực hiện nhiệm vụ như: Quy định thẩm quyền, nhiệm vụ chuyên biệt của từng tổ

<sup>8</sup> Lãnh đạo Ban gồm 03 đồng chí, (1) Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy- Trưởng ban, (2) Phó Ban Tổ chức Tỉnh ủy (phụ trách công tác chính sách) - Phó ban, (3) Giám đốc Sở Y tế - Phó ban; Các thành viên gồm 07 đồng chí: (4) Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, (5) Giám đốc Sở Nội vụ, (6) Giám đốc Sở Tài chính, (7) Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng, (8) Giám đốc Bệnh viện II Lâm Đồng, (9) Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch, (10) Giám đốc Bệnh viện Phục hồi chức năng Lâm Đồng, (11) Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh.

<sup>9</sup> Điều chuyển đồng chí Phó trưởng Ban Thường trực Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ kiêm Chánh Văn phòng Ban đến công tác và bổ nhiệm chức vụ phó giám đốc Bệnh viện Phục hồi chức năng Lâm Đồng. Điều chuyển 02 biên chế (kế toán, văn thư kiêm thủ quỹ) đến công tác tại Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng, nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Bệnh viện phân công. Điều chuyển 01 lái xe hợp đồng theo Nghị định 68 đến công tác tại Văn phòng Tỉnh ủy nhiệm vụ cụ thể do Chánh Văn phòng Tỉnh ủy phân công.

<sup>10</sup> Gồm có 06 thành viên: (1) Giám đốc Sở Y tế- Chủ tịch Hội đồng, (2) Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng, Phó Chủ tịch thường trực hội đồng, (3) Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng (phụ trách phòng khám và điều trị cho cán bộ) - Phó Chủ tịch Hội đồng, kiêm thư ký, (4) Giám đốc Bệnh viện II Lâm Đồng - thành viên, (5) Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch - thành viên, (6) Giám đốc Bệnh viện Phục hồi chức năng Lâm Đồng - thành viên.

<sup>11</sup> Có thể gồm 04 thành viên: (1) Đồng chí Ủy viên ban thường vụ - Trưởng Ban Tổ chức huyện ủy, thành ủy làm Trưởng ban phụ trách chung, (2) Đồng chí Giám đốc trung tâm Y tế - Phó trưởng ban phụ trách về công tác chuyên môn, (3) Đồng chí Chánh Văn phòng huyện ủy - thành viên và đồng chí Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện - thành viên.

chức tương đối rõ, thống nhất; được cấp ủy chính quyền các cấp quan tâm hơn, công tác dân vận, mặt trận ngày càng chặt chẽ, hợp lý, khoa học hơn,...

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như: Một vài địa phương, điều kiện đội ngũ cán bộ, công chức không đồng đều, do đó kết quả thực hiện một số nhiệm vụ chưa cao; chế độ chính sách đối với cán bộ kiêm nhiệm còn ít, chưa có quy định cụ thể, chưa tạo động lực cho cán bộ thực hiện kiêm nhiệm; việc xây dựng quy chế làm việc, phân cấp, phân công nhiệm vụ cho cấp phó của hai cơ quan trong quy chế làm việc còn hạn chế; một số nội dung công việc không thể phân cấp cho cấp phó khi người đứng đầu không có mặt.

***e. Về thí điểm kiêm nhiệm chức danh “Trưởng Ban Tuyên giáo kiêm Giám đốc Trung tâm chính trị cấp huyện”.***

Đến nay có 12/12 huyện, thành phố thực hiện, đã phát huy vai trò lãnh đạo, trách nhiệm của cấp ủy đảng đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng; các giảng viên được tiếp cận kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước để áp dụng, nâng cao chất lượng bài giảng, giúp Trung tâm chính trị bám sát nhiệm vụ chính trị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của 02 cơ quan được quy định rõ. Việc phân bổ, giao nhiệm vụ cho giảng viên kiêm chức ngày càng thuận lợi.

Tuy nhiên, vẫn còn một số bất cập như: Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức thí điểm kiêm nhiệm còn hạn chế; cán bộ kiêm nhiệm phải thực hiện nhiều công việc, đòi hỏi nhiều tiêu chuẩn như: Trình độ, khả năng xử lý công việc, năng lực lãnh đạo toàn diện..., nên việc chọn lựa cán bộ phù hợp gặp khó khăn.

***g. Thực hiện thí điểm mô hình “Cơ quan Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện”***

Hiện có 03 huyện: Đa Huoai, Đa Tễ, Lâm Hà thực hiện. Đây là nội dung thiết thực trong giải pháp thực hiện đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng. Đã có những cách làm hay, sáng tạo, tập trung vào nhiệm vụ chính trị. Khắc phục dần sự chồng chéo, trùng lặp trong công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức các phong trào, mô hình tại cơ sở; bước đầu có sự phối hợp tương đối đồng bộ giữa các ban giúp việc của Cơ quan khối và các đoàn thể; tiết kiệm nhân lực, thời gian, kinh phí trong thực hiện nhiệm vụ dân vận; hạn chế thời gian phục vụ các Đoàn kiểm tra, giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu Cơ quan khối được tăng cường. Đội ngũ cán bộ, công chức được cơ cấu lại, bố trí phù hợp với năng lực, trình độ; môi trường công tác mới là điều kiện để cán bộ, công chức học tập, rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm...

Tuy nhiên, đây là mô hình thí điểm (mới), nên trong quá trình hoạt động còn nhiều lúng túng; đội ngũ cán bộ công chức của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện đã quen với cách làm cũ, ít quan tâm đến việc của cơ quan khác. Do vậy, khi thực hiện Mô hình này đòi hỏi cán bộ, công chức không chỉ giỏi một việc mà phải biết nhiều việc.

Hiện nay, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ngành dọc cấp trên vẫn hoạt động theo Luật và Điều lệ của mỗi tổ chức, do vậy trong công tác chỉ đạo, hướng dẫn



nhệm vụ của cấp tỉnh đối với tất cả các huyện, thành phố đều giống nhau, trong khi các huyện thực hiện thí điểm mô hình Cơ quan khối không được áp dụng tính đặc thù để được giúp đỡ hướng dẫn đặc thù.

Chưa có hướng dẫn cụ thể, đồng bộ về kinh phí hoạt động để Cơ quan khối cấp huyện và cấp cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ chung; việc huy động nhân lực tham gia thực hiện công việc chung của Cơ quan khối còn gặp nhiều khó khăn, do các tổ chức phải thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp trên.

***h. Về thực hiện thí điểm Mô hình “Phó Bí thư Tỉnh đoàn kiêm nhiệm trưởng các ban chuyên môn của Cơ quan Tỉnh đoàn”***

Năm 2018, thực hiện mô hình, 03 đồng chí Phó Bí thư kiêm trưởng 03 ban chuyên môn và không có cấp phó ban. Kết quả: Giảm 03 phòng, ban chuyên môn; giảm 06 cấp trưởng và 06 cấp phó. Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã kịp thời phân công trách nhiệm cụ thể đối với từng thành viên thường trực; đối với các đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh đoàn chuyên trách, nâng cao việc áp dụng chế độ chuyên viên từng mảng nội dung công việc. Việc thực hiện bước đầu đã đạt một số kết quả như: Tổ chức, bộ máy tinh gọn; giảm đầu mối, khâu trung gian; giảm chức danh lãnh đạo, quản lý bên trong cơ quan; đảm bảo tỷ lệ tinh giản biên chế.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện còn nhiều bất cập về chế độ, chính sách; về sự thống nhất trong tổ chức bộ máy ngành dọc; thực hiện mô hình chuyên viên phần nào không phù hợp với nhiệm vụ công tác đoàn với nhiều hoạt động phong trào. Thực hiện Quy định số 212-QĐ/TW, ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Cơ quan Tỉnh đoàn không còn áp dụng mô hình Thường trực Tỉnh đoàn kiêm Trưởng các ban chuyên môn.

***i. Chức danh Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân:*** Thực hiện cấp tỉnh; ở cấp huyện: 12/12 huyện; ở cấp xã: 92/142 xã.

***k. Chức danh Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:*** Thực hiện ở 19/142 xã, phường, thị trấn.

***l. Sắp xếp lại tổ chức bên trong của 02 đảng ủy khối:*** Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh giảm 01 tổ chức; Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh giảm 02 tổ chức.

### ***3.3.2. Đối với khối chính quyền địa phương***

***a. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh***

- Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh:

+ Từ năm 2017 đến nay, UBND tỉnh đã ban hành quyết định sửa đổi quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bên trong của 17 cơ quan, đơn vị<sup>12</sup>.

<sup>12</sup> Gồm: Sở Tài chính; Sở Công thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Giao thông vận tải; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Xây dựng; Sở Tư pháp; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Y tế; Ban Dân tộc và Ban quản lý các khu công nghiệp.

+ Đến tháng 6/2022, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có 19 sở, giảm 01<sup>13</sup> sở so với năm 2015; tổ chức bên trong cơ quan chuyên môn cấp sở có 110 tổ chức, giảm 48 tổ chức so với năm 2017 (*trong đó giảm 37 phòng thuộc sở, giảm 11 phòng và chi cục*).

- Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện: Sau sắp xếp, còn 144 đơn vị (*giảm 11 Phòng Dân tộc so với năm 2017*).

- Về rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập: Đến ngày 30/6/2022, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là 765 đơn vị, giảm 87 đơn vị so với năm 2015, tương ứng tỷ lệ 10,27% (*bao gồm cả đơn vị sự nghiệp thuộc khối Đảng, đoàn thể tỉnh*).

***b. Kết quả thực hiện thí điểm mô hình mới về tổ chức bộ máy và kiêm nhiệm chức danh theo quy định của Đảng, Quốc hội và Chính phủ***

Thực hiện Nghị quyết số 580/2018/UBTVQH14, ngày 04/10/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thí điểm hợp nhất Văn phòng Đoàn ĐBQH, Văn phòng HĐND và Văn phòng UBND tỉnh; ngày 13/12/2018, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 113/NQ-HĐND về thực hiện “*Hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thành Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng*”.

Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH, ngày 18/9/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, tỉnh Lâm Đồng đã kết thúc thí điểm hợp nhất và thành lập Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trên cơ sở tách từ Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh (*theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND, ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh*).

***c. Kết quả thực hiện mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở địa phương***

\* *Thực hiện mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở địa phương đạt được một số kết quả sau:*

- Công dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được hợp nhất, xây dựng tập trung, thống nhất cho 19/19 sở, ngành, 12/12 huyện, thành phố và 142/142 đơn vị cấp xã trên địa bàn toàn tỉnh, hệ thống đã liên thông 3 cấp từ cấp xã lên cấp huyện, cấp tỉnh. Công dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <https://dichvucong.lamdong.gov.vn> đáp ứng đầy đủ các chức năng và yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

- Đã tích hợp các dịch vụ công trực tuyến của các sở, ngành, địa phương và các đơn vị trực thuộc lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, cập nhật kịp thời các thủ tục hành chính, các dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công của tỉnh.

---

<sup>13</sup> giải thể Sở Ngoại vụ, chuyển chức năng tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực ngoại vụ của Sở sang Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ngành thuế đang triển khai kết nối thông tin với các đơn vị, ngành về một số dịch vụ công trực tuyến: Kết nối thông tin với cơ quan kế hoạch và đầu tư, đáp ứng việc đăng ký thuế (cấp mã số thuế); kết nối thông tin với cơ quan bảo hiểm xã hội; tài chính; kho bạc nhà nước; công an giao thông; cổng dịch vụ công quốc gia,...

- Kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia: Triển khai Đề án Cổng dịch vụ công quốc gia của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019, hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đã được nâng cấp, bổ sung nhiều tính năng mới để tích hợp lên cổng dịch vụ công quốc gia, dùng chung cơ chế xác thực với cổng dịch vụ công quốc gia; sinh mã hồ sơ thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Điều 19 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ. Đồng bộ hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công quốc gia; tích hợp nền tảng thanh toán trực tuyến với cổng dịch vụ công quốc gia; triển khai máy chủ chủ bảo mật dùng riêng để đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống.

- Tổ chức triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo nhiệm vụ được giao tại Đề án: Hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực đạt tối thiểu tương ứng 30%, 20%, 15% đối với kết quả thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Tổ chức triển khai quy trình số hóa 100% hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- Cập nhật, chuẩn hóa danh mục tài liệu, hồ sơ thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ; nâng cấp, hiệu chỉnh Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Gắn kết việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC với quá trình tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa tạo cơ sở hình thành dữ liệu “sống, sạch”, đủ và chính xác.

- Hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống thông tin quản lý Hộ tịch, đăng ký kinh doanh, cấp phiếu lý lịch tư pháp, CSDL hộ gia đình tham gia bảo hiểm, VNPOST với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh phục vụ xác thực, định danh và cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ công dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp.

- Thực hiện thí điểm tiếp nhận 12 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Đà Lạt theo mô hình phi địa giới hành chính; xây dựng Kế hoạch để triển khai chuyển bộ phận Một cửa của UBND Phường 4, thành phố Đà Lạt vào hoạt động tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Quý I/2022).

- Tổng hợp danh mục dự án đầu tư phục vụ mục tiêu đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại Kế hoạch phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 của địa phương (Kế hoạch số 9423/KH-UBND, ngày 24/12/2021). Bố trí kinh phí, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 3563/KH-UBND ngày 01/6/2021.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ hướng dẫn thực hiện báo cáo kiểm soát TTHC trên Hệ thống báo cáo của Văn phòng Chính phủ và thực hiện một số nhiệm vụ chung về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Tình hình chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công cho Bưu điện tỉnh. Nhằm tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp được phục vụ tốt hơn, tiết kiệm chi phí trong thực hiện TTHC, đặc biệt là TTHC liên thông nhiều cấp, phát huy được chủ trương của Chính phủ về xã hội hóa các dịch vụ hành chính công, hạn chế việc tiếp xúc trực tiếp của người dân với cán bộ, cơ quan nhà nước, góp phần giúp các cơ quan giảm áp lực công việc, tập trung cho công tác chuyên môn. Trên cơ sở kết quả đạt được, ngày 07/02/2020, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Kế hoạch số 607/KH-UBND giao Bưu điện thực hiện ký hợp đồng về việc chuyển giao tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC đối với các sở có TTHC thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND cấp huyện, xã có TTHC thực hiện tại Bộ phận một cửa. Đến nay, đã chuyển giao tất cả các lĩnh vực đối với cấp tỉnh, cấp huyện.

*\* Tuy nhiên, còn một số khó khăn, hạn chế:*

- Các phần mềm quản lý chuyên ngành liên quan đến giải quyết TTHC của các bộ, ngành Trung ương (như Đăng ký kinh doanh, quản lý phương tiện giao thông; cấp đổi giấy phép lái xe, cấp lý lịch tư pháp...) chỉ đáp ứng được việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ, chưa có công cụ hỗ trợ thực hiện việc thông kê, báo cáo, theo dõi trạng thái hồ sơ theo yêu cầu; hệ thống phần mềm ngành dọc của Công an và Thuế được chạy theo hệ thống riêng, không chạy trên internet nên tỉnh còn gặp khó khăn trong công tác quản lý, thống kê, báo cáo.

- Việc chấp nhận kiểm thử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia còn chậm so với quy định; một số thủ tục sau khi tích hợp thường bị mất, nhưng khó theo dõi.

- Một bộ phận cán bộ, công chức năng lực tiếp cận ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong tình hình mới; chưa nhận thức đầy đủ và nắm rõ nội dung công việc, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức trong việc tham gia vào quá trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC.

- Thực tế triển khai chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công cho Bưu điện tỉnh thực hiện còn lúng túng trong việc tính và chi trả chi phí thuê hạ tầng kỹ thuật của 02 đơn vị cấp huyện thực hiện việc chuyển giao, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại trụ sở bưu điện trên địa bàn, vì chưa có quy định cụ thể về định mức kỹ thuật đối với cơ sở hạ tầng trong quá trình chuyển giao.

***d. Số lượng cấp phó thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của Đảng, Quốc hội và Chính phủ***

Thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, ngày 14/9/2020 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1795/QĐ-UBND, ngày 13/7/2021 quy định cụ thể số lượng cấp phó của người đứng đầu các sở, cơ quan ngang sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo số lượng cấp phó 18 sở, ban, ngành không quá 54 người (*Hiện nay đang bố trí 48 phó giám đốc các sở, ban, ngành*), đảm bảo số lượng theo quy định.

**g. Kết quả xây dựng đề án và sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, xã và sáp nhập các thôn, tổ dân phố chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định**

- Đối với Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã: Thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã không đảm bảo 50% tiêu chuẩn về quy mô dân số và diện tích tự nhiên trong giai đoạn 2019 - 2021<sup>14</sup>. Sau sắp xếp, giảm 05 đơn vị hành chính cấp xã (còn 142 đơn vị hành chính cấp xã); số cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách dôi dư là 143 người (46 cán bộ, 39 công chức và 58 người hoạt động không chuyên trách cấp xã). Đến nay, đã hoàn thành sắp xếp, bố trí và giải quyết thôi việc cho 45 cán bộ, 39 công chức và 58 người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

- Đối với Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố: Căn cứ các quy định, hướng dẫn của Trung ương và sự thống nhất của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã sắp xếp, sáp nhập 318 thôn, tổ dân phố để hình thành mới 153 thôn, tổ dân phố và đổi tên 12 thôn (giảm 165 thôn, tổ dân phố). Hiện nay, trên địa bàn tỉnh còn 1.376 thôn, tổ dân phố.

**h. Kết quả thực hiện mô hình Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã; Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**

Đến nay, có 92 đơn vị hành chính cấp xã triển khai thực hiện mô hình Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã; có 19 đơn vị hành chính cấp xã triển khai thực hiện mô hình Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

**i. Kết quả thực hiện việc khoán kinh phí chi phụ cấp theo định mức cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, tổ dân phố**

\* Theo Nghị quyết số 87/2013/NQ-HĐND, ngày 05/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh:

- Về số lượng: Nghị quyết số 87/2013/NQ-HĐND quy định: 19 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, 3 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Ngoài ra tùy thuộc vào yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế của địa phương và theo phân loại đơn vị hành chính thì các xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố được bố trí thêm một số chức danh, cụ thể:

+ Xã loại I không quá 25 người; xã loại II không quá 23 người; xã loại III không quá 22 người.

+ Phường, thị trấn loại I không quá 22 người; phường, thị trấn loại II không quá 20 người.

+ Thôn phức tạp, trọng điểm về an ninh trật tự, thôn thuộc xã loại I và xã loại II bố trí 02 công an viên; thôn thuộc xã loại III bố trí 01 công an viên.

+ Mỗi thôn bố trí 01 thôn đội trưởng; mỗi tổ dân phố bố trí 01 tổ đội trưởng.

<sup>14</sup> Gồm: 04 xã thuộc huyện Cát Tiên, 02 xã thuộc huyện Đạ Tẻh (thuộc diện phải sắp xếp do chưa đạt 50% cả 2 tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số); 01 đơn vị hành chính cấp xã của huyện Đạ Huoai (thuộc diện khuyến khích do chưa đảm bảo 50% tiêu chuẩn về quy mô dân số) và 03 đơn vị hành chính cấp xã liền kề có liên quan đến việc sắp xếp, sáp nhập.

+ Mỗi thôn bố trí 01 nhân viên y tế thôn, bản.

+ Tổ viên Tổ Bảo vệ dân phố.

- Về mức phụ cấp:

+ Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: Bằng 01 lần lương cơ sở (*bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế*).

+ Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Thuộc xã loại I, loại II và xã trọng điểm về an ninh trật tự: bằng 01 lần lương cơ sở (*bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế*); thôn thuộc xã còn lại và tổ dân phố: bằng 0,8 lần lương cơ sở (*bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế*).

+ Thôn đội trưởng, công an viên và nhân viên y tế thôn - bản: Bằng 0,5 lần lương cơ sở.

+ Tổ đội trưởng dân quân được hưởng bằng 0,3 mức lương cơ sở.

+ Thực hiện khoán chung phụ cấp hàng tháng cho Ban bảo vệ dân phố phường, thị trấn và các Tổ bảo vệ dân phố trực thuộc bằng 01 lần lương cơ sở.

\* Theo Nghị quyết số 188/2020/NQ-HĐND, ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh:

- Về số lượng: Nghị quyết số 188/2020/NQ-HĐND quy định 15 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, 3 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Ngoài ra tùy thuộc vào yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế của địa phương và theo phân loại đơn vị hành chính thì các xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố được bố trí thêm một số chức danh, cụ thể:

+ Cấp xã loại I: Được bố trí tối đa 14 người.

+ Cấp xã loại II: Được bố trí tối đa 12 người.

+ Cấp xã loại III: Được bố trí tối đa 10 người.

+ Lực lượng khác: Gồm Công an viên (*Công an viên ở xã và Công an viên ở thôn*); Ban bảo vệ dân phố, tổ bảo vệ dân phố; nhân viên y tế thôn (bản); thôn, tổ đội trưởng.

- Về mức phụ cấp:

+ Cấp xã loại I: 1,1 lần lương cơ sở/chức danh.

+ Cấp xã loại II, III: 1,0 lần lương cơ sở/chức danh.

+ Công an viên: Công an viên ở xã (*không là Công an chính quy*) được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 1,0 lần mức lương cơ sở; Công an viên ở thôn được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 0,5 lần mức lương cơ sở.

+ Ban Bảo vệ dân phố: Trưởng ban bằng 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng; Phó ban bằng 0,35 mức lương cơ sở/người/tháng; các Ủy viên đồng thời là Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố, hưởng phụ cấp của Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố; Tổ Bảo vệ dân phố: Tổ trưởng bằng 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng; Tổ viên bằng 0,16 mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Nhân viên y tế thôn (bản): Được hưởng mức phụ cấp, trợ cấp hàng tháng bằng 0,5 lần mức lương cơ sở.

+ Thôn, tổ đội trưởng được hưởng mức phụ cấp, trợ cấp hàng tháng bằng 0,6 lần mức lương cơ sở (*theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 04/8/2021 của HĐND tỉnh quy định mức phụ cấp đối với thôn đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân khi làm nhiệm vụ*).

+ Ngoài ra, những người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (*không bao gồm người đã được hưởng lương và phụ cấp*) được hưởng mức bồi dưỡng là: 30.000 đồng/buổi/người, nhưng không quá 1 lần lương cơ sở/tháng/thôn, tổ dân phố.

- Về chính sách hỗ trợ những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, tổ dân phố dời dư sau khi sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính ở xã, phường, thị trấn và thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2021 theo Nghị quyết số 154/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của HĐND tỉnh:

+ Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: Hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác, thời gian công tác dưới 03 tháng không được hỗ trợ, thời gian công tác từ 03 tháng đến dưới 06 tháng tính bằng  $\frac{1}{2}$  năm, từ 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính tròn 01 năm.

+ Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Thôi làm nhiệm vụ sau khi sắp xếp, sáp nhập được hỗ trợ 01 tháng mức phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác liên tục tại thôn, tổ dân phố (*không tính thời gian chuyển từ nơi khác đến*). Thời gian công tác dưới 03 tháng không được hỗ trợ, thời gian công tác từ 03 tháng đến dưới 06 tháng tính bằng  $\frac{1}{2}$  năm, từ 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính tròn 01 năm.

***k. Kết quả khắc phục tình trạng thôn, tổ dân phố chưa có tổ chức đảng và tình trạng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không phải là đảng viên***

- Tại thời điểm 30/6/2017, trên địa bàn tỉnh có 01 thôn chưa có tổ chức đảng là thôn Tôn K'Long B, xã Đạ Pal, huyện Đạ Tẻh. Hiện nay, toàn bộ 1.376 thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh đã có tổ chức đảng.

- Về tình trạng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không phải là đảng viên: UBND cấp xã ngày càng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, trong đó ưu tiên bố trí bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là đảng viên, do đó số lượng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là đảng viên ngày càng tăng. Đến ngày 30/6/2022, có 588/1376 trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chưa là đảng viên.

***3.3.3. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh***

Sau sắp xếp, giảm 12 phòng, ban; giảm 10 trưởng ban; giảm 09 phó trưởng ban, cụ thể:

- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh giảm 01 ban (*từ 03 ban và văn phòng xuống còn 02 ban và văn phòng*); giảm 04 phó ban.

- Hội Nông dân tỉnh giảm 03 phòng, ban; giảm 01 Phó trưởng ban.

- Liên đoàn Lao động tỉnh giảm 03 ban (*từ 07 ban và văn phòng xuống còn 04 ban và văn phòng*). Thực hiện kiêm nhiệm chức danh nên giảm 05 trưởng ban và 02 phó trưởng ban.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh giảm 02 ban (*từ 04 ban và văn phòng xuống còn 03 ban*); giảm 01 trưởng ban và 01 phó trưởng ban.

- Tỉnh đoàn còn 03 ban chuyên môn, giảm 03 ban chuyên môn. Giảm 03 trưởng ban, 05 phó trưởng ban.

- Hội Cựu chiến binh tỉnh giảm 01 ban và 01 văn phòng (*từ 03 ban và văn phòng xuống còn 02 ban*); giảm 02 trưởng ban.

#### **4. Đánh giá chung**

##### **4.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch của Trung ương, của tỉnh**

Việc tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết được các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc; cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức, cơ bản nắm vững quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động để triển khai thực hiện; đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các tổ chức của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện sáp nhập, giải thể các đơn vị. Quy định và quản lý chặt chẽ biên chế đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị trên cơ sở phân loại tổ chức, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức và xác định vị trí việc làm khoa học, sát thực tế.

##### **4.2. Thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết, Kế hoạch của Trung ương, của tỉnh**

Các cấp ủy đảng, cơ quan, địa phương, đơn vị đã cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu đề ra trong Nghị quyết số 18-NQ/TW để tổ chức thực hiện đạt kết quả như:

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện 37 quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị để kịp thời khắc phục tình trạng trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý.

- Sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh giảm 64 tổ chức; cấp huyện giảm 04 phòng, ban so với năm 2017 (*kèm theo Biểu số 3C1, 3C2*).

- Giảm số lượng lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức hành cấp huyện 162 người so với năm 2017 (*kèm theo Biểu số 7C3; 7C6*).

- Giảm số lượng lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức hành chính cấp tỉnh 171 người so với năm 2017 (*kèm theo Biểu số 7C1; 7C4*). Đối với đơn vị sự nghiệp công lập giảm 395 người (*cấp trưởng 134 người, cấp phó 264 người*) (*Kèm theo Biểu số 8C*).

- Hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và đầu mối bên trong theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó theo quy định ở cấp tỉnh, cấp huyện (*kèm theo Biểu số 3C1; 3C2*).



- Về rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, đến ngày 30/6/2022, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là 760 đơn vị, giảm 86 đơn vị; giảm 395 người (*kèm theo Biểu số 8C*).

- Đã giảm 10% biên chế so với năm 2015 (*kèm theo Biểu số 10, 11*)

- Thực hiện một số chủ trương bố trí chức danh kiêm nhiệm, thực hiện các 05 mô hình mới; sắp xếp thu gọn hợp lý các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn theo quy và Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố định theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW (*kèm theo Biểu số 9C1*).

- Thực hiện tốt việc bố trí cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, tổ dân phố: Cán bộ cấp xã giảm 48 người; công chức cấp xã giảm 189 người; người hoạt động không chuyên trách giảm 739 người so với năm 2017 (*kèm theo Biểu mẫu số 14*).

- Sắp xếp tổ chức bên trong: Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh giảm 01 tổ chức; Đảng ủy Khối các cơ quan, giảm 02 tổ chức (*kèm Biểu mẫu số 4C1*).

### **4.3. Ưu điểm và hạn chế**

#### **4.3.1. Ưu điểm**

- Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị đã tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết; rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; sáp nhập, giải thể những bộ phận, đơn vị hoạt động không hiệu quả, đảm bảo theo quy định.

- Các nghị quyết, kết luận của Trung ương ban hành để thực hiện thí điểm mô hình tổ chức mới và kiêm nhiệm chức danh được quán triệt, thực hiện nghiêm túc; luôn được sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của các ban, ngành Trung ương, đặc biệt là sự theo dõi, hướng dẫn chu đáo, kịp thời của Ban Tổ chức Trung ương; sự quan tâm chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy; sự vào cuộc của các cấp ủy đảng, sự đồng thuận của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Quá trình triển khai thực hiện đã đạt được một số kết quả nhất định.

- Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chặt chẽ biên chế, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức và xác định vị trí việc làm sát thực tế, khoa học, là cơ sở để xác định tổ chức bộ máy của các mô hình mới và chức danh kiêm nhiệm, đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng mô hình.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng, Nhà nước trong công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức; tiêu chuẩn ngạch của công chức lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị, bảo đảm đúng thẩm quyền, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục và khách quan, dân chủ, chất lượng.

#### **4.3.2. Một số khuyết điểm, hạn chế**

- Một số mô hình thí điểm chưa có tiền lệ, thiếu cơ sở pháp lý và các văn bản liên quan đến tài chính; việc thực hiện kiêm nhiệm các chức danh bước đầu gặp một số khó khăn do các cơ quan độc lập, khối lượng công việc nhiều, do đó việc chỉ đạo thực hiện, cũng như việc kiểm tra, giám sát gặp khó khăn.

- Chưa có hướng dẫn cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác liên quan đến các chức danh kiêm nhiệm, nên dẫn đến lúng túng trong quản lý, điều hành, tổ chức hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

- Một số cấp ủy chưa mạnh dạn thực hiện kiêm nhiệm chức danh và mô hình mới. Việc hợp nhất có nơi mang tính cơ học, chỉ giảm đầu mối, giảm được biên chế, nhưng chưa thực sự khoa học, một số mục tiêu chưa đạt yêu cầu đề ra. Sau hợp nhất, khối lượng công việc nhiều do đó việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát có nơi, có lúc chưa kịp thời, chất lượng một số công việc chưa cao.

- Biên chế sự nghiệp giáo dục đào tạo và sự nghiệp y tế chiếm đa phần (94,4%) trong tổng số biên chế sự nghiệp của toàn tỉnh, nên việc cắt giảm 10% biên chế sự nghiệp giai đoạn 2015 - 2021, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giảng dạy của ngành giáo dục và chất lượng phục vụ khám chữa bệnh của ngành y tế. Số biên chế sự nghiệp được giao cho ngành giáo dục và y tế hiện nay không đủ đáp ứng nhu cầu học tập và chăm sóc sức khỏe của người dân.

- Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư phải thành lập Hội đồng quản lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; chưa có văn bản quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý. Do đó, các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư gặp lúng túng trong lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý.

- Hiện nay, các bộ chưa có văn bản hướng dẫn định mức số lượng người làm việc theo ngành, lĩnh vực, nên UBND tỉnh chưa chủ động giao số lượng người hưởng lương từ nguồn thu cho các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, dẫn đến việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại cũng như kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên gặp khó khăn.

- Hầu hết các đơn vị sự nghiệp công lập gặp khó khăn trong quá trình xây dựng Đề án tự chủ theo quy định tại Khoản 1, Điều 25, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, do chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể.

- Chế độ phụ cấp hàng tháng cho cán bộ thôn, tổ dân phố (*Bí thư, thôn trưởng...*) chưa phù hợp; sau khi thực hiện sáp nhập địa bàn rộng, công tác quản lý dân cư, đảng viên gặp nhiều khó khăn.

#### **4.4. Nguyên nhân của ưu điểm và tồn tại, hạn chế**

##### **4.4.1. Nguyên nhân của ưu điểm**

Nghị quyết số 18-NQ/TW và các Nghị định của Chính phủ là chủ trương lớn được ban hành kịp thời, nhằm sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; được các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị triển khai nghiêm túc, thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị; đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các cấp ủy đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ; có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình phù

hợp trong việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên, góp phần cải cách chính sách tiền lương.

#### **4.4.2. Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm**

##### *a. Nguyên nhân chủ quan*

- Công tác tuyên truyền, quán triệt, chỉ đạo rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ở một số cơ quan, đơn vị có lúc còn thiếu quyết liệt. Việc sáp nhập một số cơ quan, đơn vị tương đồng chức năng, nhiệm vụ để giảm đầu mối, giảm số lượng biên chế là chủ trương đúng đắn, tuy nhiên mới thực hiện thí điểm, chưa có mô hình chung phù hợp để triển khai thực hiện đồng bộ. Người đứng đầu một số cơ quan thực hiện thí điểm mô hình mới, chức danh kiêm nhiệm có lúc còn lúng lúng trong giải quyết vấn đề mới phát sinh.

- Tinh giản biên chế, giảm số lượng người làm việc chưa đi đôi với cải cách hành chính, dẫn đến khối lượng công việc gia tăng; chính sách tiền lương chậm cải cách, đổi mới, chưa tạo động lực để cán bộ công chức yên tâm công tác.

- Việc đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn hạn chế, chưa phát huy hết vai trò, chức năng, nhiệm vụ, nhất là trong giám sát, phản biện xã hội, nhiều chức năng, nhiệm vụ trùng lặp. Chưa có chủ trương thống nhất trong kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

- Công tác đánh giá cán bộ chưa thực sự toàn diện, chặt chẽ, có trường hợp chưa đánh giá đúng năng lực, còn nể nang, ngại va chạm, dẫn đến bố trí, sử dụng cán bộ không đúng năng lực, sở trường. Khó thực hiện tinh giản biên chế trong việc căn cứ vào việc đánh giá cán bộ, công chức hàng năm.

##### *b. Nguyên nhân khách quan*

- Các văn bản hướng dẫn thực hiện chậm được ban hành, nên quá trình thực hiện thiếu đồng bộ, khó thực hiện. Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế là vấn đề khó, nhạy cảm, liên quan đến tất cả các ngành, cơ quan trong hệ thống chính trị, nên quá trình làm cần phải có thời gian, lộ trình phù hợp.

- Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về thực hiện mô hình mới, kiêm nhiệm chức danh còn có những nội dung chưa rõ, thiếu hoặc rất khó thực hiện trong thực tế, chậm được hướng dẫn.

- Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong từng ngành, lĩnh vực chưa được ban hành nên một số cơ quan, đơn vị còn bị động trong quá trình xây dựng đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập.

#### **5. Bài học kinh nghiệm**

*Thứ nhất*, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên về việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, tạo sự thống nhất cao trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

*Thứ hai*, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải

pháp theo lộ trình phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm, với quyết tâm chính trị cao nhất; gắn đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cán bộ với tinh giản biên chế và Đề án vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

*Thứ ba*, khi sắp xếp tổ chức bộ máy, các cơ quan, đơn vị phải xây dựng nhiều phương án, đánh giá ưu, khuyết điểm của từng phương án để lựa chọn phương án tối ưu nhất, đáp ứng yêu cầu tinh gọn bộ máy và ít ảnh hưởng đến việc sắp xếp lãnh đạo các phòng, ban.

*Thứ tư*, giữ vững nguyên tắc tổ chức hoạt động và đề cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Trung ương, của tỉnh; đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của địa phương, đơn vị; xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu khi thực hiện thí điểm các mô hình tổ chức, kiêm nhiệm chức danh, đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ, liên thông; kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; gắn đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh giản biên chế và cải cách chế độ tiền lương; quan tâm chế độ chính sách đối với những người chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp.

*Thứ năm*, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, khuyết điểm trong quá trình triển khai thực hiện; kịp thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của tập thể và cá nhân; phát hiện và nhân rộng những mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo và hiệu quả.

## **IV. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Đối với các bộ, ban, ngành, Trung ương có liên quan**

1.1. Sớm ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm đối với công chức nghiệp vụ chuyên ngành, vị trí việc làm lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành được giao quản lý; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý.

1.2. Sớm rà soát, xây dựng lại định mức lao động đối với một số ngành, nghề y tế, giáo dục và đào tạo, kiểm lâm, lĩnh vực giao thông,... cho phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay. Về lâu dài cần nghiên cứu giao tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc cho các địa phương theo tiêu chí về diện tích, dân số và một số yếu tố đặc thù về dân tộc, tôn giáo, điều kiện tự nhiên, phát triển kinh tế - xã hội, để đảm bảo hợp lý giữa các địa phương có điều kiện tương đồng.

1.3. Sớm ban hành tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền; hướng dẫn cụ thể về quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; ban hành tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý; hướng dẫn xây dựng Đề án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

1.4. Đối với các mô hình thí điểm tiếp tục thực hiện, đề nghị các bộ, ngành Trung ương có sự phối hợp, thống nhất ban hành hướng dẫn cụ thể về tổ chức, bộ

máy, chế độ chính sách,... làm cơ sở pháp lý để các địa phương căn cứ thực hiện. Tránh tình trạng vừa tổ chức thực hiện, vừa vận dụng cơ chế, chính sách dẫn đến vi phạm quy định, pháp luật.

## **2. Đối với Bộ Nội vụ**

2.1. Sớm ban hành hướng dẫn cụ thể việc xác định cơ cấu ngạch công chức, hướng dẫn về vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ của đơn vị sự nghiệp công lập; hướng dẫn cụ thể quy trình bổ nhiệm chức vụ công chức, viên chức lãnh đạo khi sáp nhập các cơ quan, đơn vị; sớm ban hành quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ chuyên trách cấp xã thay thế Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và bản mô tả vị trí việc làm của cán bộ cấp xã, làm cơ sở cho các địa phương thực hiện.

2.2. Xem xét quy định biên chế hoạt động chuyên trách đối với Văn phòng Đảng ủy cấp xã, vì hiện nay cán bộ văn phòng đảng ủy cấp xã là người hoạt động không chuyên trách hoặc do 01 đồng chí công chức cấp xã kiêm nhiệm, trong khi khối lượng công việc lại tương đối lớn, làm ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động và thực hiện nhiệm vụ chính trị của cấp ủy cơ sở.

*(Gửi kèm theo các biểu mẫu 1C, 2C, 3C1, 3C2, 4C1, 5C1, 5C2, 7C1, 7C2, 7C3, 7C4, 7C5, 7C6, 8C, 9C1, 10, 11, 13, 14).*

### Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Vụ III - Ban Tổ chức TW (báo cáo),
- Vụ VII - UBKTTW (báo cáo),
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD1.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Trần Đình Văn**

**Phụ lục 1C**  
**TỔNG HỢP TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH Ở ĐỊA PHƯƠNG**

(Tổng hợp từ các Phụ lục 3C1 + 3C2 + 4C1 + 4C2)

Đơn vị tính: Tổ chức

STT	Tổ chức hành chính	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017			Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2022			Tăng (+), giảm (-)			Ghi chú (ghi rõ lý do tăng, giảm)
		Cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh	Phòng và tương đương trực thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh, phòng ban cấp huyện	Phòng thuộc Chi cục và tương đương	Cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh	Phòng và tương đương trực thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh, phòng ban cấp huyện	Phòng thuộc Chi cục và tương đương	Cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh	Phòng và tương đương trực thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh, phòng ban cấp huyện	Phòng thuộc Chi cục và tương đương	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>35</b>	<b>503</b>	<b>69</b>	<b>34</b>	<b>448</b>	<b>58</b>	<b>- 1</b>	<b>- 55</b>	<b>- 11</b>	<b>-</b>
<b>I</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	<b>35</b>	<b>216</b>	<b>69</b>	<b>34</b>	<b>153</b>	<b>58</b>	<b>- 1</b>	<b>- 63</b>	<b>- 11</b>	<b>-</b>
<b>1</b>	<b>Khối Đảng</b>	<b>6</b>	<b>28</b>	<b>-</b>	<b>6</b>	<b>16</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>- 12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1.1	Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp tỉnh	6	28		6	16			- 12		
1.2	Các đảng ủy trực thuộc										
<b>2</b>	<b>Khối chính quyền địa phương</b>	<b>21</b>	<b>147</b>	<b>69</b>	<b>20</b>	<b>110</b>	<b>58</b>	<b>- 1</b>	<b>- 37</b>	<b>- 11</b>	<b>-</b>
2.1	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và Văn phòng HĐND cấp tỉnh	20	142	69	19	108	58	- 1	- 34	- 11	
2.2.	Các tổ chức hành chính khác (BQL Khu CN tỉnh)	1	5		1	2		0	-3		
<b>3</b>	<b>Đảng ủy Khối Doanh nghiệp</b>	<b>1</b>	<b>5</b>		<b>1</b>	<b>4</b>			<b>- 1</b>		
<b>4</b>	<b>Đảng ủy Khối Cơ quan</b>	<b>1</b>	<b>6</b>		<b>1</b>	<b>5</b>			<b>- 1</b>		
<b>5</b>	<b>Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH</b>	<b>6</b>	<b>30</b>		<b>6</b>	<b>18</b>			<b>- 12</b>		
<b>II</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>	<b>-</b>	<b>287</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>295</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>1</b>	<b>Khối Đảng</b>	<b>-</b>	<b>60</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>60</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1.1	Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện		60			60					
1.2	Các đảng ủy trực thuộc										

STT	Tổ chức hành chính	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017			Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2022			Tăng (+), giảm (-)			Ghi chú (ghi rõ lý do tăng, giảm)
		Cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh	Phòng và tương đương trực thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh, phòng ban cấp huyện	Phòng thuộc Chi cục và tương đương	Cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh	Phòng và tương đương trực thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh, phòng ban cấp huyện	Phòng thuộc Chi cục và tương đương	Cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh	Phòng và tương đương trực thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh, phòng ban cấp huyện	Phòng thuộc Chi cục và tương đương	
<b>2</b>	<b>Khối chính quyền địa phương</b>	-	<b>155</b>	-	-	<b>163</b>	-	-	<b>8</b>	-	-
2.1	Cơ quan chuyên môn (gọi tắt là phòng)		155			151			- 4		
2.2	Các tổ chức hành chính khác					12			12		
<b>3</b>	<b>Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH</b>		<b>72</b>			<b>72</b>					

## Phụ lục 2C

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP Ở ĐỊA PHƯƠNG**

Đơn vị tính: Tổ chức

[illegible]



STT	Danh mục	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017									Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2022								
		Tổng cộng	Giáo dục và đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Y tế	Khoa học và công nghệ	Nông nghiệp và PTNT	Thông tin và truyền thông	Văn hóa, TDTT	Sự nghiệp khác	Tổng cộng	Giáo dục và đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Y tế	Khoa học và công nghệ	Nông nghiệp và PTNT	Thông tin và truyền thông	Văn hóa, TD TT	Sự nghiệp khác
	- Nhà Thiếu nhi thuộc Tỉnh Đoàn	1								1									Sát nhập vào Trung hoạt động Thanh thiếu nhi
	- Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi	1								1									1
	- Sự nghiệp văn hóa thể dục thể thao thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh	1								1									1
	- Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi Bảo Lộc, Thành Đoàn Bảo Lộc	1								1									Sát nhập vào Thành Đoàn Bảo Lộc

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
*Lâm Đồng, ngày 09 tháng 8 năm 2022*

**SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CẤP TỈNH**

Đơn vị tính: Tổ chức

Đơn vị tính: Tổ chức

STT	Tổ chức hành chính	Tổng số tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị			Trong đó									Phòng và tương đương thuộc Chi cục			Ghi chú (ghi rõ lý do tăng, giảm)
		Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017 (cột 3 = cột 6 + cột 9 + cột 12)	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2022 (cột 4 = cột 7 + cột 10 + cột 13)	So sánh (cột 4 - cột 3)	VP, Thanh tra			Phòng chuyên môn			Chi cục						
					Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2022	So sánh (cột 7 - cột 6)	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2022	So sánh (cột 10 - cột 9)	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2022	So sánh (cột 13 - cột 12)	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2022	So sánh (cột 16 - cột 15)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG	211	150	-61	34	30	-4	161	106	-55	16	14	-2	69	58	-11	
I	KHỐI ĐẢNG	40	24	-16				40	24	-16							
1	Ban Tổ chức	5	3	-2				5	3	-2							
2	Ban Tuyên giáo	6	3	-3				6	3	-3							
3	Ban Dân vận	4	2	-2				4	2	-2							
4	Ban Nội chính	3	2	-1				3	2	-1							
5	Cơ quan UBKT	5	3	-2				5	3	-2							
6	Văn phòng	6	3	-3				6	3	-3							
7	Đảng ủy khối các cơ quan	6	5	-1				6	5	-1							
8	Đảng ủy khối doanh nghiệp	5	3	-2				5	3	-2							
	KHỐI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG	142	108	-34	34	30	-4	92	64	-28	16	14	-2	69	58	-11	
1	Sở Nội vụ	9	8	-1	2	2		4	4		3	2	-1	7	4	-3	Theo QĐ số 01/2022/QĐ-UBND
2	Sở Ngoại vụ	3		-3	1		-1	2		-2							Theo NQ số 228/NQ-HĐND
3	Sở Tài chính	8	6	-2	2	2		6	4	-2							Theo QĐ số 35/2022/QĐ-UBND

4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10	10		2	2		2	2		6	6		43	43		Theo QĐ số 24/2016/QĐ-UBND
5	Sở Công thương	9	6	-3	2	2		6	4	-2	1		-1	7		-7	Theo QĐ số 33/2022/QĐ-UBND
6	Sở Lao Động - Thương binh và Xã hội	9	6	-3	2	2		6	4	-2	1		-1				Theo QĐ số 37/2022/QĐ-UBND
7	Sở Tư pháp	8	5	-3	2	1	-1	6	4	-2							Theo QĐ số 31/2021/QĐ-UBND
8	Sở Khoa học và Công nghệ	7	5	-2	2	2		4	2	-2	1	1		3	2	-1	Theo QĐ số 21/2021/QĐ-UBND
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	9	5	-4	2	2		6	2	-4	1	1		2	2		Theo QĐ số 36/2022/QĐ-UBND
10	Sở Giao thông Vận tải	7	5	-2	2	2		5	3	-2							Theo QĐ số 42/2021/QĐ-UBND
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	8	5	-3	2	2		6	3	-3							Theo QĐ số 28/2022/QĐ-UBND
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	10	6	-4	2	1	-1	8	5	-3							Theo QĐ số 26/2021/QĐ-UBND
13	Sở Y tế	8	8		2	2		4	4		2	2		7	7		Theo QĐ số 34/2022/QĐ-UBND
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	9	7	-2	2	2		7	5	-2							Theo QĐ số 40/2019/QĐ-UBND

15	Sở Xây dựng	8	6	-2	2	2		5	4	-1	1		-1				Theo QĐ số 44/2019/QĐ-UBND
16	Sở Thông tin và Truyền thông	6	5	-1	2	2		4	3	-1							Theo QĐ số 27/2021/QĐ-UBND
17	Ban Dân tộc	4	2	-2	2	1	-1	2	1	-1							Theo QĐ số 38/2022/QĐ-UBND
18	Thanh tra tỉnh	4	4		1	1		3	3								Theo QĐ số 31/2016/QĐ-UBND
19	Văn phòng UBND tỉnh	3	5	2				3	3			2	2				Theo QĐ số 25/2021/QĐ-UBND
20	Văn phòng HĐND tỉnh	3	4	1				3	4	1							
<b>III</b>	<b>KHỐI MTTQ VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CT - XH</b>	<b>30</b>	<b>18</b>	<b>-12</b>				<b>30</b>	<b>18</b>	<b>-12</b>							
1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	4	3	-1				4	3	-1							
2	Liên đoàn lao động	7	4	-3				7	4	-3							
3	Hội Nông dân	6	3	-3				6	3	-3							
4	Hội LH Phụ nữ	4	3	-1				4	3	-1							
5	Hội Cựu chiến binh	3	2	-1				3	2	-1							
6	Đoàn thanh niên CS Hồ Chí Minh	6	3	-3				6	3	-3							

**Phụ lục 3C2**

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH  
TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CẤP HUYỆN**

*Đơn vị tính: Tổ chức*

STT	Tổ chức hành chính	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2022	So sánh (cột 4 - cột 3)	Ghi chú (ghi rõ lý do tăng, giảm)
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>287</b>	<b>287</b>		
<b>I</b>	<b>Khối các Cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện</b>	<b>60</b>	<b>60</b>		
1	Ban Tổ chức	12	12		
2	Ban Tuyên giáo	12	12		
3	Ban Dân vận	12	12		
4	Cơ quan UBKT	12	12		
5	Văn phòng	12	12		
<b>II</b>	<b>Khối chính quyền địa phương</b>	<b>155</b>	<b>155</b>	<b>0</b>	
1	Phòng Dân tộc	11	11	0	Giải thể phòng dân tộc 11 huyện, thành phố
2	Phòng Kinh tế	2	2		
3	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	10	10		
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	12	12		
5	Phòng Lao động - TBXH	12	12		
6	Phòng Nội vụ	12	12		
7	Phòng Nông nghiệp và PTNT	10	10		
8	Phòng Quản lý đô thị	2	2		
9	Phòng Tài chính - Kế hoạch	12	12		
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường	12	12		
11	Phòng Tư pháp	12	12		
12	Phòng Văn hóa và Thông tin	12	12		
13	Phòng Y tế	12	12		
14	Thanh tra huyện	12	12		
15	Văn phòng HĐND, UBND cấp tỉnh	12	12		
<b>III</b>	<b>Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH</b>	<b>72</b>	<b>72</b>		
1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	12	12		
2	Liên đoàn lao động	12	12		
3	Hội Nông dân	12	12		
4	Hội LH Phụ nữ	12	12		
5	Hội Cựu chiến binh	12	12		
6	Đoàn thanh niên CS Hồ Chí Minh	12	12		

**Phụ lục 4C1**  
**SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH KHÁC Ở CẤP TỈNH**

*Đơn vị tính: Tổ chức*

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số tổ chức			Trong đó						Ghi chú
		Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017 (cột 3 = cột 6 + cột 9)	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2022 (cột 4 = cột 7 + cột 10)	So sánh (cột 4 - cột 3)	VP, Thanh tra			Phòng chuyên môn			
					Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2022	So sánh (cột 7 - cột 6)	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2022	So sánh (cột 10 - cột 9)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG	16	10	-6	1	1	0	15	9	-6	0
1	Khối Đảng	11	8	-3	0	0	0	11	8	-3	0
1.1	Đảng Ủy Khối các cơ quan tỉnh	6	5	-1				6	5	-1	
1.2	Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	5	3	-2				5	3	-2	
2	Khối chính quyền địa phương	5	2	-3	1	1	0	4	1	-3	0
2.1	Ban quản lý khu công nghiệp	5	2	-3	1	1	0	4	1	-3	Theo QĐ số 39/2019/QĐ-UBND

**Phụ lục 5C1****TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN Ở CẤP TỈNH**

Đơn vị tính: Tổ chức

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng ban quản lý dự án		Cơ cấu tổ chức ban quản lý dự án				Ghi chú
				Thời điểm 30/6/2017		Thời điểm 30/6/2022		
		Thời điểm 30/6/2017	Thời điểm 30/6/2022	Văn phòng	Phòng chuyên môn	Văn phòng	Phòng chuyên môn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG	14	5	2	8	2	9	
I	Thuộc UBND cấp tỉnh	2	1	1	5		4	
1	Ban quản lý dự án ODA	1			3			Hợp nhất với Ban quản lý dự án trực thuộc Sở Xây dựng
2	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Khu Văn hóa Thể thao tỉnh Lâm Đồng	1		1	2			Sáp nhập vào Ban QLDA thuộc Sở Xây dựng tháng 7/2022
3	Ban QLDA Giao thông tỉnh Lâm Đồng		1				4	Thành lập trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Lâm Đồng trực thuộc Sở Giao thông Vận tải
II	Thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	12	4	1	3	2	5	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn							
	Ban QLDA chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VNSát)	1	1					
	Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình NN & PTNT	1		1	3	1	2	
	Ban QLDA Phát triển lâm nghiệp vùng tây nguyên	1						
	Ban QLDA cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm	1						
	Ban QLDA Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ cho các tỉnh tây nguyên	1						
	Ban QLDA Sửa chữa và Nâng cao An toàn đập (WB8)	1						

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng ban quản lý dự án		Cơ cấu tổ chức ban quản lý dự án				Ghi chú
				Thời điểm 30/6/2017		Thời điểm 30/6/2022		
		Thời điểm 30/6/2017	Thời điểm 30/6/2022	Văn phòng	Phòng chuyên môn	Văn phòng	Phòng chuyên môn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Ban quản lý Dự án “Hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu ở rừng và đồng bằng” tỉnh Lâm Đồng (Dự án VFD)	1						
	Ban QLDA Cạnh tranh ngành chăn nuôi và An toàn thực phẩm (LIFSAP)	1						
2	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội							
	Ban quản lý dự án Tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam (viết tắt là SASSP)	1						
3	Sở Giáo dục và Đào tạo							
	Ban quản lý dự án	1						Hợp nhất với Ban quản lý dự án trực thuộc Sở Xây dựng
4	Sở Giao thông vận tải							
	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông							Thành lập trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm tư vấn QLDA và Kiểm định GTVT
4	Sở Xây dựng							
	Ban QL dự án -Sở Xây dựng	1						
	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình DD & CN tỉnh Lâm Đồng		1			1	3	Thành lập trên cơ sở hợp nhất Ban quản lý ODA tỉnh Lâm Đồng, Ban quản lý dự án trực thuộc Sở Xây dựng, Trung tâm tư vấn đầu tư xây dựng trực thuộc Sở Y tế, Bộ phận quản lý dự án trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Sở Y tế							
	Ban quản lý dự án sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Areminiin		1					
	Ban quản lý dự án an ninh tiểu vùng Mê công mở rộng tỉnh Lâm Đồng	1	1					



**Phụ lục 5C2**

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CẤP HUYỆN**

*Đơn vị tính: Tổ chức*

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Thời điểm 30/6/2017	Thời điểm 30/6/2022	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>12</b>	
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Đà Lạt		1	Thành lập trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Phát triển hạ tầng kỹ thuật thành phố Đà Lạt.
2	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Bảo Lộc		1	Thành lập trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Tư vấn, đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thành phố Bảo Lộc
3	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng		10	Thành lập ở 10 huyện trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm quản lý và khai thác công trình công cộng huyện.

**Phụ lục 7C1**

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH  
CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN**

*(Thời điểm 30/6/2017)*

*Đơn vị tính: Người*

ST T	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó												Ghi chú
			Lãnh đạo cấp tỉnh		Lãnh đạo cấp huyện		Lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh		Lãnh đạo cấp phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh; LĐ cơ quan cấp huyện		Chi cục & tương đương		Lãnh đạo cấp phòng thuộc chi cục		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
	TỔNG CỘNG	1,462	4	16	71	143	32	78	407	559	13	26	53	60	
I	CẤP TỈNH	656	3	9	0	0	32	78	171	211	13	26	53	60	
1	Lãnh đạo cấp tỉnh	12	3	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Các cơ quan cấp tỉnh	644	0	0	0	0	32	78	171	211	13	26	53	60	
2.1	Khối Đảng	83	0	0	0	0	6	15	24	38	0	0	0	0	
2.2	Khối chính quyền địa phương	485	0	0	0	0	20	49	121	143	13	26	53	60	
2.3	Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH	76	0	0	0	0	6	14	26	30	0	0	0	0	
II	CẤP HUYỆN	806	1	7	71	143	0	0	236	348	0	0	0	0	
1	Lãnh đạo cấp huyện	82	1	7	12	62	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Các cơ quan cấp huyện	724	0	0	59	81	0	0	236	348	0	0	0	0	
2.1	Khối Đảng	162	0	0	11	18	0	0	51	82	0	0	0	0	
2.2	Khối chính quyền địa phương	390	0	0	36	46	0	0	126	182	0	0	0	0	
2.3	Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH	172	0	0	12	17	0	0	59	84	0	0	0	0	

**Phụ lục 7C2****SỐ LƯỢNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP TỈNH**

(Thời điểm 30/6/2017)

Đơn vị tính: Người

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó										Ghi chú
			Lãnh đạo cấp tỉnh		Lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh		Lãnh đạo cấp phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh		Chi cục & tương đương		Lãnh đạo cấp phòng thuộc chi cục		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
	TỔNG CỘNG	679	1	8	35	81	185	217	13	26	53	60	
1	Lãnh đạo cấp tỉnh	9	1	8									
1.1	Bí thư, phó bí thư cấp ủy cấp tỉnh	4	1	3									
1.2	Chủ tịch, PCT HĐND cấp tỉnh	2		2									Bí thư Tỉnh ủy Kiêm Chủ tịch HĐND tỉnh
1.3	Chủ tịch, PCT UBND cấp tỉnh	3		3									Phó bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Các cơ quan cấp tỉnh	670	-	-	35	81	185	217	13	26	53	60	
2.1	Khối Đảng	111			8	19	36	48					
2.1.1	Ban Tổ chức	14			1	3	5	5					
2.1.2	Ban Tuyên giáo	7			1	2	2	2					
2.1.3	Ban Dân vận	11			1	3	3	4					
2.1.4	Ban Nội chính												
2.1.5	Cơ quan UBKT	25			2	4	8	11					
2.1.6	Văn phòng	26			1	3	6	16					
2.1.7	Đảng ủy khối các cơ quan	15			1	2	6	6					
2.1.8	Đảng ủy khối doanh nghiệp	13			1	2	6	4					
...	...												

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó										Ghi chú
			Lãnh đạo cấp tỉnh		Lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh		Lãnh đạo cấp phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh		Chi cục & tương đương		Lãnh đạo cấp phòng thuộc chi cục		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
2.2	Khối chính quyền địa phương	482			20	46	121	143	13	26	53	60	
2.2.1	Ban Dân tộc	10			1	2	4	3					
2.2.2	Sở Công thương	41			1	3	8	8	1	3	7	10	
2.2.3	Sở Du lịch												
2.2.4	Sở Giao thông - Vận tải	18			1	3	7	7					
2.2.5	Sở Giáo dục và Đào tạo	20			1		9	10					
2.2.6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	24			1	3	9	11					
2.2.7	Sở Khoa học và Công nghệ	23			1	2	6	6	1	2	3	2	
2.2.8	Sở Lao động - TBXH	24			1	3	8	10	1	1			
2.2.9	Sở Ngoại vụ	8			1	1	2	4					
2.2.10	Sở Nội vụ	32			1	3	6	6	1	4	5	6	
2.2.11	Sở Nông nghiệp và PTNT	115			1	3	4	8	6	13	38	42	
2.2.12	Sở Quy hoạch - Kiến trúc												
2.2.13	Sở Tài chính	22			1	3	7	11					
2.2.14	Sở Tài nguyên và Môi trường	21			1	2	8	8	1				
2.2.15	Sở Thông tin và Truyền thông	13			1	3	6	3					
2.2.16	Sở Tư pháp	23			1	2	7	13					
2.2.17	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	22			1	3	8	10					
2.2.18	Sở Xây dựng	18			1	2	7	8					
2.2.19	Sở Y tế	15			1	1	6	3	2	2			
2.2.20	Thanh tra tỉnh	15			1	3	4	7					
2.2.21	Văn phòng HĐND cấp tỉnh	4			1		2	1					
2.2.22	Văn phòng UBND cấp tỉnh	14			1	4	3	6					
2.3	Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH	77	-	-	7	16	28	26	-				
2.3.1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	12			1	3	2	6					

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó										Ghi chú
			Lãnh đạo cấp tỉnh		Lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh		Lãnh đạo cấp phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh		Chi cục & tương đương		Lãnh đạo cấp phòng thuộc chi cục		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
2.3.2	Liên đoàn lao động	17			1	3	7	6					
2.3.3	Hội Nông dân	12			1	2	6	3					
2.3.4	Hội LH Phụ nữ	10			1	2	4	3					
2.3.5	Hội Cựu chiến binh	8			1	2	3	2					
2.3.6	Đoàn thanh niên CS HCM	18			2	4	6	6					

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 8 năm 2022

**Phụ lục 7C3****TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP HUYỆN**

(Thời điểm 30/6/2017)

Đơn vị tính: Người

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
			Lãnh đạo cấp huyện		Lãnh đạo các cơ quan cấp huyện		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
	TỔNG CỘNG	865	27	80	298	447	
1	Lãnh đạo cấp huyện	135	27	80	11	15	
1.1	Bí thư, phó bí thư cấp ủy cấp huyện	67	12	27	11	15	
1.2	Chủ tịch, PCT HĐND cấp huyện	32	5	27			
1.3	Chủ tịch, PCT UBND cấp huyện	36	10	26			
2	Các cơ quan cấp huyện	730			287	432	
2.1	Khối Đảng	177			60	117	
2.1.1	Ban Tổ chức	46			12	34	
2.1.2	Ban Tuyên giáo	35			12	23	
2.1.3	Ban Dân vận	27			12	15	
2.1.4	Cơ quan UBKT	34			12	22	
2.1.5	Văn phòng	35			12	23	
2.2	Khối chính quyền địa phương	368			155	213	
2.2.1	Phòng Dân tộc	19			11	8	
2.2.2	Phòng Kinh tế	7			2	5	
2.2.3	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	25			10	15	
2.2.4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	34			12	22	
2.2.5	Phòng Lao động - TBXH	30			12	18	
2.2.6	Phòng Nội vụ	32			12	20	
2.2.7	Phòng Nông nghiệp và PTNT	25			10	15	
2.2.8	Phòng Quản lý đô thị	5			2	3	
2.2.9	Phòng Tài chính - Kế hoạch	28			12	16	
2.2.10	Phòng Tài nguyên và Môi trường	29			12	17	
2.2.11	Phòng Tư pháp	22			12	10	

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
			Lãnh đạo cấp huyện		Lãnh đạo các cơ quan cấp huyện		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
2.2.12	Phòng Văn hóa và Thông tin	23			12	11	
2.2.13	Phòng Y tế	19			12	7	
2.2.14	Thanh tra huyện	31			12	19	
2.2.15	Văn phòng HĐND, UBND cấp huyện	39			12	27	
2.3	<b><i>Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH</i></b>	<b>185</b>			<b>72</b>	<b>102</b>	
2.3.1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	33			12	21	
2.3.2	Liên đoàn lao động	28			12	13	
2.3.3	Hội Nông dân	30			12	16	
2.3.4	Hội LH Phụ nữ	29			12	14	
2.3.5	Hội Cựu chiến binh	36			12	21	
2.3.6	Đoàn thanh niên CS HCM	29			12	17	

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 8 năm 2022

Phụ lục 7C4

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ,  
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN**

(Thời điểm 30/6/2022)

Đơn vị tính:

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó												Ghi chú
			Lãnh đạo cấp tỉnh		Lãnh đạo cấp huyện		Lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh		Lãnh đạo cấp phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh; LĐ cơ quan cấp huyện		Chi cục & tương đương		Lãnh đạo cấp phòng thuộc chi cục		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
	TỔNG CỘNG	1171	2	8	24	52	31	80	393	465	12	18	44	42	
I	CẤP TỈNH	485	2	8			31	80	116	132	12	18	44	42	
1	Lãnh đạo cấp tỉnh	10	2	8											
2	Các cơ quan cấp tỉnh	475					31	80	116	132	12	18	44	42	
2.1	Khối Đảng	47					6	14	14	13					
2.2	Khối chính quyền địa phương	378					19	51	88	104	12	18	44	42	
2.3	Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH	50					6	15	14	15					
II	CẤP HUYỆN	686			24	52			277	333					
1	Lãnh đạo cấp huyện	76			24	52									
2	Các cơ quan cấp huyện	610							277	333					
2.1	Khối Đảng	135							60	75					
2.2	Khối chính quyền địa phương	332							148	184					
2.3	Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH	143							69	74					



**Phụ lục 7C5****SỐ LƯỢNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP TỈNH**

(Thời điểm 30/6/2022)

Đơn vị tính: Người

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó										Ghi chú
			Lãnh đạo cấp tỉnh		Lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh		Lãnh đạo cấp phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh		Chi cục & tương đương		Lãnh đạo cấp phòng thuộc chi cục		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
	TỔNG CỘNG	510	1	8	33	80	129	143	12	18	44	42	
1	Lãnh đạo cấp tỉnh	9	1	8									
1.1	Bí thư, phó bí thư cấp ủy cấp tỉnh	4	1	3									
1.2	Chủ tịch, PCT HĐND cấp tỉnh	2	0	2									Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch HĐND tỉnh
1.3	Chủ tịch, PCT UBND cấp tỉnh	3	0	3									Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch UBND tỉnh
2	Các cơ quan cấp tỉnh	501	0	0	33	80	129	143	12	18	44	42	0
2.1	Khối Đảng	70	-	-	8	17	23	22	-	-	-	-	-
2.1.1	Ban Tổ chức	9			1	2	3	3					

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó										Ghi chú
			Lãnh đạo cấp tỉnh		Lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh		Lãnh đạo cấp phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh		Chi cục & tương đương		Lãnh đạo cấp phòng thuộc chi cục		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
2.1.2	Ban Tuyên giáo	7			1	2	2	2					Thiếu 1 trưởng phòng; 01 phó trưởng phòng, chưa bổ nhiệm
2.1.3	Ban Dân vận	7			1	2	2	2					
2.1.4	Ban Nội chính	7			1	2	2	2					
2.1.5	Cơ quan UBKT	9			1	2	3	3					
2.1.6	Văn phòng	10			1	3	3	3					
2.1.7	Đảng ủy khối các cơ quan	13			1	2	5	5					
2.1.8	Đảng ủy khối doanh nghiệp	8			1	2	3	2					Thực hiện kiêm nhiệm chức danh
...	...												
2.2	Khối chính quyền địa phương	378	0	0	19	51	88	104	12	18	44	42	
2.2.1	Ban Dân tộc	6			1	2	2	1					
2.2.2	Sở Công thương	18			1	3	5	9					
2.2.3	Sở Du lịch	0											
2.2.4	Sở Giao thông - Vận tải	16			1	3	5	7					
2.2.5	Sở Giáo dục và Đào tạo	17			1	2	6	8					
2.2.6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	16			1	3	5	7					

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó										Ghi chú
			Lãnh đạo cấp tỉnh		Lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh		Lãnh đạo cấp phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh		Chi cục & tương đương		Lãnh đạo cấp phòng thuộc chi cục		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
2.2.7	Sở Khoa học và Công nghệ	13			1	2	4	2	1	1	2		
2.2.8	Sở Lao động - TBXH	17			1	3	6	7					
2.2.9	Sở Ngoại vụ	0											
2.2.10	Sở Nội vụ	23			1	3	6	5	1	2	3	2	Ban Tôn Giáo và TĐKT tỉnh tương đương chi cục, PGĐ Sở phụ trách Ban
2.2.11	Sở Nông nghiệp và PTNT	103			1	2	4	6	6	10	34	40	
2.2.12	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	0											
2.2.13	Sở Tài chính	17			1	2	5	9					
2.2.14	Sở Tài nguyên và Môi trường	19			1	3	5	6	1	1	2		
2.2.15	Sở Thông tin và Truyền thông	11			1	2	5	3					
2.2.16	Sở Tư pháp	17			1	3	5	8					
2.2.17	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	15			1	3	5	6					
2.2.18	Sở Xây dựng	15			1	3	5	6					
2.2.19	Sở Y tế	19			1	3	5	3	2	2	3		
2.2.20	Thanh tra tỉnh	13			1	3	4	5					
2.2.21	Văn phòng HĐND cấp tỉnh	13			1	3	4	5					

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó										Ghi chú
			Lãnh đạo cấp tỉnh		Lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh		Lãnh đạo cấp phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh		Chi cục & tương đương		Lãnh đạo cấp phòng thuộc chi cục		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
2.2.22	Văn phòng UBND cấp tỉnh	10			1	3	2	1	1	2			Ban Tiếp công dân; Trung tâm Phục vụ HC công tính tương đương Chi cục
2.3	Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH	53	0	0	6	12	18	17	0	0	0	0	0
2.3.1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	9			1	2	3	3					
2.3.2	Liên đoàn lao động	10			1	2	4	3					
2.3.3	Hội Nông dân	9			1	2	3	3					
2.3.4	Hội LH Phụ nữ	9			1	2	3	3					
2.3.5	Hội Cựu chiến binh	7			1	2	2	2					
2.3.6	Đoàn thanh niên CS HCM	9			1	2	3	3					

**TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG**

\*

**Phụ lục 7C6**

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP HUYỆN**

(Thời điểm 30/6/2022)

Đơn vị tính: Người

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
			Lãnh đạo cấp huyện		Lãnh đạo các cơ quan cấp huyện		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>711</b>	<b>12</b>	<b>64</b>	<b>280</b>	<b>355</b>	
<b>1</b>	<b>Lãnh đạo cấp huyện</b>	<b>76</b>	<b>12</b>	<b>64</b>			
1.1	Bí thư, phó bí thư cấp ủy cấp huyện	36	12	24			
1.2	Chủ tịch, PCT HĐND cấp huyện	12		12			Bí thư kiêm Chủ tịch HĐND
1.3	Chủ tịch, PCT UBND cấp huyện	28		28			Phó bí thư kiêm Chủ tịch UBND huyện
<b>2</b>	<b>Các cơ quan cấp huyện</b>	<b>635</b>			<b>280</b>	<b>355</b>	
<b>2.1</b>	<b>Khối Đảng</b>	<b>142</b>			<b>60</b>	<b>82</b>	
2.1.1	Ban Tổ chức	29			12	17	
2.1.2	Ban Tuyên giáo	24			12	12	
2.1.3	Ban Dân vận	24			12	12	
2.1.4	Cơ quan UBKT	29			12	17	
2.1.5	Văn phòng	36			12	24	
<b>2.2</b>	<b>Khối chính quyền địa phương</b>	<b>341</b>			<b>151</b>	<b>190</b>	
2.2.1	Phòng Dân tộc	12			7	5	
2.2.2	Phòng Kinh tế	6			2	4	
2.2.3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	22			10	12	
2.2.4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	34			12	22	
2.2.5	Phòng Lao động - TBXH	29			12	17	
2.2.6	Phòng Nội vụ	29			12	17	
2.2.7	Phòng Nông nghiệp và PTNT	23			10	13	
2.2.8	Phòng Quản lý đô thị	5			2	3	
2.2.9	Phòng Tài chính - Kế hoạch	30			12	18	
2.2.10	Phòng Tài nguyên và Môi trường	25			12	13	
2.2.11	Phòng Tư pháp	20			12	8	
2.2.12	Phòng Văn hóa và Thông tin	23			12	11	

2.2.13	Phòng Y tế	18			12	6	
2.2.14	Thanh tra huyện	26			12	14	
2.2.15	Văn phòng HĐND, UBND cấp huyện	39			12	27	
<b>2.3</b>	<b>Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH</b>	<b>144</b>			<b>69</b>	<b>83</b>	
2.3.1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	23			9	20	03 đơn vị Bảo Lâm; Lạc Dương, TP Bảo Lộc không thực hiện Trưởng ban Dân vận đồng thời là CTMTTQVN huyện.
2.3.2	Liên đoàn lao động	26			12	14	
2.3.3	Hội Nông dân	24			12	12	
2.3.4	Hội LH Phụ nữ	24			12	12	
2.3.5	Hội Cựu chiến binh	26			12	14	
2.3.6	Đoàn thanh niên CS HCM	21			12	11	Khuyết 01 Phó BT Huyện Đoàn Lâm Hà

## PHỤ LỤC 8C

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CẤP TRƯỞNG, CẤP PHÓ  
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP Ở ĐỊA PHƯƠNG**

STT	Đơn vị sự nghiệp	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017		Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2022	
		Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>852</b>	<b>1,403</b>	<b>717</b>	<b>1,138</b>
<b>I</b>	<b>Giáo dục và đào tạo</b>	<b>651</b>	<b>1,083</b>	<b>585</b>	<b>900</b>
1	Trường Chính trị	1	2	1	2
2	Trung tâm chính trị	12	12		12
2	Trung học phổ thông	54	88	52	107
3	Trung học cơ sở	157	297	150	223
4	Tiểu học	253	408	215	286
5	Mầm non	174	276	167	270
<b>II</b>	<b>Giáo dục nghề nghiệp</b>	<b>23</b>	<b>26</b>	<b>19</b>	<b>31</b>
1	Cao đẳng	4	6	4	8
2	Trung cấp	1	1		
3	Trung tâm	18	19	15	23
<b>III</b>	<b>Sự nghiệp Y tế</b>	<b>38</b>	<b>65</b>	<b>20</b>	<b>39</b>
1.	Bệnh viện	6	13	6	11
2.	Trung tâm	32	52	14	28
<b>IV</b>	<b>Sự nghiệp Khoa học và công nghệ</b>	<b>4</b>	<b>11</b>	<b>2</b>	<b>4</b>
<b>V</b>	<b>Sự nghiệp Nông nghiệp và PTNT</b>	<b>33</b>	<b>30</b>	<b>24</b>	<b>46</b>
<b>VI</b>	<b>Sự nghiệp Thông tin và truyền thông</b>	<b>19</b>	<b>25</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
<b>VII</b>	<b>Sự nghiệp Văn hóa, Thể dục thể thao</b>	<b>18</b>	<b>48</b>	<b>15</b>	<b>33</b>
<b>VIII</b>	<b>Sự nghiệp khác thuộc khối Nhà nước</b>	<b>66</b>	<b>115</b>	<b>50</b>	<b>82</b>

**PHỤ LỤC 9C1****KẾT QUẢ 05 NĂM THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT 18-NQ/TW**

Số TT	Danh mục	Tổng số đơn vị	Số đơn vị thực hiện	Giảm số lượng lãnh đạo		Giảm số lượng tổ chức		Ghi chú
				Cấp sở; LĐ cấp huyện	Cấp phòng	Cấp sở	Cấp phòng	
	<b>TỔNG CỘNG</b>							
1	Trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện	12/12	12/12		12	0		
2	Thí điểm trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện	09/12	09/12		9	0		
3	Thí điểm trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh	1	0			0		
4	Thí điểm trưởng ban tổ chức cấp ủy đồng thời là trưởng phòng nội vụ cấp huyện	12/12	0			0		
5	Thí điểm trưởng ban tổ chức cấp ủy đồng thời là giám đốc sở nội vụ cấp tỉnh	1	0			0		
6	Thí điểm chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy đồng thời là chánh thanh tra cấp huyện	12/12	0					
7	Thí điểm chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy đồng thời là chánh thanh tra cấp tỉnh	1	0			0		
8	Thí điểm hợp nhất ban tổ chức cấp ủy với phòng nội vụ cấp huyện	12/12	0			0		
9	Thí điểm hợp nhất ban tổ chức cấp ủy với sở nội vụ cấp tỉnh	1	0			0		
10	Thí điểm hợp nhất cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy với thanh tra cấp huyện	12/12	0			0		
11	Thí điểm hợp nhất cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy với thanh tra cấp tỉnh	12/12	0			0		
12	Hợp nhất Ban Tuyên giáo với Ban Dân vận cấp ủy cấp huyện	12/12	0			0		
13	Hợp nhất Ban Tuyên giáo với Ban Dân vận và Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp ủy cấp huyện	12/12	0			0		
14	Hợp nhất Sở Kế hoạch và Đầu tư với Sở Tài chính	1	0			0		



Số TT	Danh mục	Tổng số đơn vị	Số đơn vị thực hiện	Giảm số lượng lãnh đạo		Giảm số lượng tổ chức		Ghi chú
				Cấp sở; LĐ cấp huyện	Cấp phòng	Cấp sở	Cấp phòng	
15	Hợp nhất Sở Giao thông - Vận tải với Sở Xây dựng	1	0			0		
16	Hợp nhất văn phòng cấp ủy với văn phòng hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cấp huyện ở những nơi có điều kiện	12/12	0			0		
17	Thực hiện mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông cấp huyện	12/12	12/12			0		
18	Thực hiện mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông cấp tỉnh	1	1			0		
19	Hợp nhất văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội, văn phòng hội đồng nhân dân và văn phòng ủy ban nhân dân cấp tỉnh	3	3			1		Thực hiện Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH, Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở tách từ Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Lâm Đồng).
20	Sắp xếp đầu mối trực thuộc các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp tỉnh	6	6				15	
21	Sắp xếp Ban Bảo vệ CSSKCB cấp tỉnh	1	1					
22	Tổ chức cơ quan tham mưu giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện	12/12	03/12			0		
23	Tổ chức cơ quan tham mưu giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh	0	0					
24	Tổ chức lại đảng bộ khối doanh nghiệp cấp tỉnh	1	1				2	
25	Hợp nhất đảng bộ khối doanh nghiệp với Đảng bộ Khối các cơ quan cấp tỉnh	0	0					
26	Giải thể đảng bộ khối doanh nghiệp cấp tỉnh	-	0					
27	Sắp xếp các ban chỉ đạo cấp tỉnh	0	0	2				

Số TT	Danh mục	Tổng số đơn vị	Số đơn vị thực hiện	Giảm số lượng lãnh đạo		Giảm số lượng tổ chức		Ghi chú
				Cấp sở; LĐ cấp huyện	Cấp phòng	Cấp sở	Cấp phòng	
28	Sắp xếp các ban quản lý dự án cấp tỉnh	0	0					
29	Sắp xếp các ban quản lý dự án cấp huyện	12	12					Thành lập trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Tư vấn, đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thành phố Bảo Lộc, Trung tâm Phát triển hạ tầng kỹ thuật thành phố Đà Lạt và 10 Trung tâm quản lý và khai thác công trình công cộng cấp huyện.
30	Sắp xếp các ban quản lý dự án cấp tỉnh	14	5					
31	Bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã	142	69					
32	Bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân cấp huyện	12/12	12/12					
33	Bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã	142	92					
34	Bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã	12						
35	Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện	142	19					Tổng số 10 đơn vị, trong đó 6 đơn vị thuộc diện phải sắp xếp, 01 đơn vị thuộc diện khuyến khích và 3 đơn vị liên kết; giảm 5 đơn vị
36	Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	147	142					Giảm 165 thôn, tổ dân phố
37	Hợp nhất thôn, tổ dân phố	147	142					Hiện nay, 100% thôn, tổ dân phố đã có tổ chức đảng
38	Khắc phục tình trạng thôn, tổ dân phố chưa có tổ chức đảng	1,541	1,376					
39	Khắc phục tình trạng trường thôn, tổ trường tổ dân phố không phải là đảng viên	1	1					
40	Thực hiện mô hình tự quản ở cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố	824	588					

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 8 năm 2022

**BIỂU 10: BÁO CÁO SỐ LIỆU BIÊN CHẾ KHỎI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ TỈNH LÂM ĐỒNG**

TT	DANH MỤC	Biên chế được giao		Người làm việc tại thời điểm 31/12/2015	Biên chế, người làm việc tại thời điểm 31/12/2021	Kết quả tính giảm biên chế		Ghi chú
		Năm 2015 (hoặc được giao tại thời điểm gần nhất trước năm 2015)	Bổ sung giai đoạn 2016-2021 (nếu có)			Số lượng ((7) = (6) - ((3)+(4)))	Tỷ lệ (%) ((8) = (7)/((3)+(4)))	
<b>I</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>1,331</b>			<b>1,203</b>			
<b>I</b>	<b>Biên chế</b>	<b>1,331</b>	<b>42</b>		<b>1,118</b>	<b>-255</b>	<b>-18.57%</b>	
1	Cán bộ, công chức	1,075	42		908	-209	-18.71%	
2	Viên chức (hưởng lương từ ngân sách nhà nước)	141	0		111	-30	-21.28%	
3	Hợp đồng 68	63	0		74	11	17.46%	
4	Hợp đồng khác	52	0		25	-27	-51.92%	
<b>II</b>	<b>Người làm việc hưởng lương tại đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn (1+2+3)</b>			<b>32</b>	<b>85</b>			
1	Viên chức			14	16			
2	Hợp đồng 68			2	57			
3	Hợp đồng khác			16	12			

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 8 năm 2022

**BIỂU 11: BÁO CÁO SỐ LIỆU BIÊN CHẾ KHỎI CHÍNH QUYỀN**

TT	DANH MỤC	Người làm việc tại thời điểm 31/12/2015	Biên chế, hợp đồng lao động được giao năm 2015	Người làm việc tại thời điểm 31/12/2021	Biên chế, hợp đồng lao động được giao năm 2021	Kết quả				Ghi chú
						Tinh giản		Giảm		
						Số lượng ((7) = (6)-(4))	Tỷ lệ (%) ((8) = (7)/(4))	Số lượng ((9) = (6)-(4))	Tỷ lệ (%) ((10) = (7)/(4))	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng (I+II)									
I	Biên chế và hợp đồng lao động hưởng lương ngân sách nhà nước (1+2)									
1	Biên chế (cán bộ, công chức, viên chức) ((1) = (1.1)+(1.2))		31,818		28,824	-2,994				
1.1	Cán bộ, công chức		2,773		2,502	-271	-10%			
1.2	Viên chức (hưởng lương từ ngân sách nhà nước)		29,045		26,322	-2,723	-10%			Năm 2019 được giao bổ sung 202 người, giảm 2.925 người, tương ứng 10% so với số giao năm 2015 và số bổ sung năm 2019
2	Hợp đồng lao động ((2) = (2.1)+(2.2))									
2.1	Hợp đồng 68				76					
2.2	Hợp đồng khác									
II	Người làm việc hưởng lương đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn (1+2)	545		2,249						
1	Viên chức	482		965						
2	Hợp đồng lao động ((2) = (2.1)+(2.2))	63		1,284						
2.1	Hợp đồng 68	63		214						
2.2	Hợp đồng khác			1,070						

**TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG****ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM***Lâm Đồng, ngày 09 tháng 8 năm 2022***PHỤ LỤC 13****KẾT QUẢ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2017 - 2021**

STT	Ngân sách Nhà nước	Năm 2017	Năm 2021	Tăng, giảm ngân sách	Tỷ lệ tăng, giảm(%)	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
1	Tổng chi ngân sách Nhà nước	11,664	21,061	9,397	81%	
2	Chi thường xuyên	6,917	8,925	2,008	29%	
3	Chi hoạt cơ quan quản lý nhà nước, đ	1,439	1,845	406	28%	
4	Tỷ lệ (%)					
-	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể/Tổng chi ngân sách nhà nước ((3/1))	0.12	0.09			
-	Chi hoạt cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể/Chi thường xuyên ((3/2))	0.21	0.21			

**BIỂU 14: THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,  
NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở XÃ, THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

STT	Đơn vị hành chính (xã, phường, thị trấn)	Số liệu thực tế tại thời điểm ngày 30/6/2017	Số liệu thực tế tại thời điểm ngày 20/6/2022	Ghi chú
1	Số đơn vị hành chính	147	142	
2	Cán bộ cấp xã	1,560	1,512	
3	Công chức cấp xã	1,523	1,334	
4	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	2,045	1,306	
5	Số thôn, tổ dân phố	1,573	1,376	
6	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	7,618	3,713	